

Số: 1057 /QĐ-SYT

Đồng Nai, ngày 20 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
đợt 19 năm 2026

GIÁM ĐỐC Sở Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Biên bản họp xét của Tổ Thư ký thẩm định hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đợt 19 năm 2026 cho 64 cá nhân (*Danh sách kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Quản lý KCB (để báo cáo);
- BGD Sở Y tế (để báo cáo);
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, NV.

(Bs.Lam/19.10.26)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lưu Văn Dũng

**DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
ĐỢT 19 NĂM 2026**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng năm 2026 của Sở Y tế)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
1	PHẠM ĐỨC ANH	28/04/1995	034095008970	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	002998/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
2	BÙI THỊ ĐOAN TRANG	22/07/2001	075301013181	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	002999/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
3	TRẦN CÔNG HOÀNG	29/10/1992	075092004438	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003000/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
4	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	18/09/2001	075301012734	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003001/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
5	HỨA THỊ MINH NGUYỆT	29/05/2001	070301004960	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003002/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
6	LƯƠNG THÀNH CÔNG	02/11/1999	091099003568	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003003/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
7	PHẠM THỊ TUYẾT NHI	31/05/2001	075301005764	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003004/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
8	HOÀNG NGHĨA ANH	12/03/1988	040088010167	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003005/ĐNAI-GPHN	Cấp mới

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
9	NGUYỄN VĂN HOÀNG	15/01/1994	030094011816	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003006/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
10	PHÙNG HOÀNG LONG	08/03/2001	075201000497	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003007/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
11	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	28/02/2001	067301003298	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003008/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
12	ĐẶNG TUẤN ANH	19/01/1994	075094001849	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003009/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
13	NGUYỄN THỊ NGỌC	05/02/1993	040193037943	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003010/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
14	LƯU THỊ TRANG	22/10/1989	030189020781	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003011/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
15	PHẠM TIỀN TRUNG	14/11/2001	075201008318	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003012/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
16	HOÀNG THỊ BÍCH PHƯƠNG	03/07/1992	068192005264	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003013/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
17	NGUYỄN THỊ DUYÊN	20/02/2001	075301005890	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003014/ĐNAI-GPHN	Cấp mới

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
18	NGUYỄN VĂN LÂM	17/06/1984	074084007271	Việt Nam	Bác sỹ	Chuyên khoa Răng hàm mặt	003015/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
19	LƯƠNG CHÍNH ĐẠI	30/06/2001	075201001700	Việt Nam	Bác sỹ	Răng hàm mặt	003016/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
20	NGUYỄN QUỐC DŨNG	09/06/2001	075201007826	Việt Nam	Bác sỹ	Răng hàm mặt	003017/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
21	TRẦN VÒNG PHÚC	10/12/1991	075091007573	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003018/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
22	NGUYỄN VĂN CỪ	22/06/1988	042088011965	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003019/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
23	PHẠM THỊ HUYỀN	31/12/2001	070301008223	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003020/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
24	NGUYỄN ANH TUẤN	30/06/1985	075085006385	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003021/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
25	VŨ THỊ LỰA	15/07/1986	075186007118	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003022/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
26	LÊ THÙY DƯƠNG	21/09/2001	035301000797	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003023/ĐNAI-GPHN	Cấp mới

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
27	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	18/12/1984	040084033184	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003024/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
28	ĐÀO THỊ OANH	31/07/1986	034186011959	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003025/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
29	VŨ HOÀNG CUNG	04/12/1972	019072010503	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003026/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
30	NGUYỄN THỊ KIM LINH	08/10/1974	075174013504	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003027/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
31	VÕ PHƯỚC HẢO	03/12/1989	075089019552	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003028/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
32	HỒ NGỌC TRẠNG	22/07/1988	051088010360	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003029/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
33	NGÔ VĂN ĐẠT	20/01/1990	042090014478	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003030/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
34	NGÔ QUANG NGHĨA	10/11/2001	045201002296	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003031/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
35	MÃ HOÀNG ĐAN	03/11/1992	038092041218	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003032/ĐNAI-GPHN	Cấp mới

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
36	PHẠM THỊ HIỀN	01/06/1984	070184002975	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003033/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
37	LÊ NGỌC LÂM	10/08/1988	070088009341	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003034/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
38	ĐỖ HOÀNG PHƯƠNG TRINH	30/05/2001	075301009847	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003035/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
39	CHƯƠNG HUỲNH BUI	02/07/1977	075177017914	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003036/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
40	HUỲNH VÂN NHI	22/03/2001	046301004004	Việt Nam	Bác sỹ	Y học dự phòng	003037/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
41	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	05/08/1994	034194005053	Việt Nam	Bác sỹ	Y học dự phòng	003038/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
42	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	12/07/2001	075301013418	Việt Nam	Bác sỹ	Y học dự phòng	003039/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
43	HỒ HOÀNG NGÂN	01/01/1986	075186009491	Việt Nam	Y sỹ	Y học cổ truyền	003040/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
44	LƯU THÁI LUYẾN	02/01/1983	080183005202	Việt Nam	Y sỹ	Y học cổ truyền	003041/ĐNAI-GPHN	Cấp mới

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
45	LÊ BÌNH PHƯƠNG	25/08/1990	070090010550	Việt Nam	Y sỹ	Y học cổ truyền	003042/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
46	NGUYỄN VĂN GIỚI	10/04/1982	026082016155	Việt Nam	Y sỹ	Y học cổ truyền	003043/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
47	NGUYỄN THỊ MINH	21/01/1989	040189040655	Việt Nam	Y sỹ	Y học cổ truyền	003044/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
48	TRẦN ĐỖ NHẬT HOÀNG	25/06/1991	052091018368	Việt Nam	Y sỹ	Y học cổ truyền	003045/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
49	HOÀNG XUÂN VĂN	02/10/1981	040081004361	Việt Nam	Y sỹ	Y học cổ truyền	003046/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
50	TRỊNH ĐÌNH TÂM	10/06/1984	038084045018	Việt Nam	Y sỹ	Y học cổ truyền	003047/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
51	VŨ THỊ HẰNG	19/10/1991	037191007234	Việt Nam	Y sỹ	Đa khoa	003048/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
52	ĐẶNG ÁNH	16/10/1984	046084008200	Việt Nam	Y sỹ	Đa khoa	003049/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
53	ĐÀO THANH HIẾU	13/09/1994	070094010122	Việt Nam	Y sỹ	Đa khoa	003050/ĐNAI-GPHN	Cấp mới

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
54	MAI TIẾN ĐẠT	12/03/1988	070088000197	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003051/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
55	LÊ THỊ BIÊN	14/04/1987	038187031331	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003052/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
56	NGUYỄN THỊ BÌNH	20/02/1997	067197003726	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003053/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
57	XÚ MỸ PHƯỢNG	20/11/1999	075199012699	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003054/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
58	BÙI THỊ HUẾ	29/08/1992	030192017451	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003055/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
59	VŨ THỊ KIM OANH	10/03/1993	014193006030	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003056/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
60	CAO ĐÀO ANH THƯ	25/12/2003	075303017175	Việt Nam	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	003057/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
61	NGUYỄN THỊ MINH THỂ	20/11/1989	070189009189	Việt Nam	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	003058/ĐNAI-GPHN	Cấp lại
62	NGUYỄN THỊ THU TRÂM	28/01/1999	070199007771	Việt Nam	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	003059/ĐNAI-GPHN	Cấp lại

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
63	HUỖNH THỊ MINH THƯ	12/11/1987	051187002464	Việt Nam	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	003060/ĐNAI-GPHN	Cấp lại
64	PHAN THỊ HIÊN	14/10/1991	042191006800	Việt Nam	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	003061/ĐNAI-GPHN	Cấp lại